TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/DS-ST
Ngày: 19-6-2026
"V/v Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kinh Kha

2. Ông Nguyễn Văn Chinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

- *Đại Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp:* Bà Lê Thị Mỹ Duyên– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 550/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 318/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số G T, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện pháp luật: Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Thanh N – Chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh S1.

Đại diện theo ủy quyền của ông N là ông Nguyễn Anh T, ông Trần Thanh T1, ông Nguyễn Việt P theo văn bản ủy quyền số 108/2026/UQ-SHB ngày 04/5/2026

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1975

2. Ông Lê Trung H1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ số I đường số I, Tổ C, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông H1 là bà Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2026)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1999

2. Chị Lê Ngọc B, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ số I đường số I, Tổ C, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ H, khóm T, phường M, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ hiện nay: đường số I, Tổ C, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Trần Quang N2, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số G khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ hiện nay: đường số I, Tổ C, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 2004

Địa chỉ: phường C, tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ hiện nay: đường số I, Tổ C, khóm M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Nguyễn Anh T có mặt, còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần () S - Hà Nội là anh Nguyễn Anh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng S2) theo Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024 và khế ước nhận nợ với nội dung sau:

Giá trị hạn mức vay vốn: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn nuôi cá lóc thịt.

Thời hạn duy trì hạn mức vay vốn: 12 tháng (Từ ngày 11/12/2024 đến ngày 11/12/2025)

Thời hạn của khoản vay: Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức vay vốn được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ nhưng tối đa 06 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn: Được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ.

Lãi suất chậm trả lãi: Trường hợp khách hàng không thanh toán lãi đúng hạn, thì khách hàng phải trả lãi chậm trả lãi cho Ngân hàng S2 theo mức lãi suất chậm trả quy định của Ngân hàng S2 tại thời điểm chậm trả lãi bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn (nhưng không vượt quá 10%/năm) và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi.

Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng số ngày thực tế chậm trả gốc.

Thực hiện Hợp đồng trên, Ngân hàng S2 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 đã nhận nợ theo các Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 01-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024 với số tiền nhận nợ 6.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng).

- Khế ước nhận nợ số 02-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 19/12/2024 với số tiền nhận nợ 1.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Ánh N1 còn ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng S2 số: 549349485.2024.1029278360.TTD ngày 27/07/2024 với số tiền là 10.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 đã thế chấp tài sản sau:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số: 37, địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận số phát hành DM359660, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1.

Ngân hàng S2 nhận thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 381/2024/HĐTC-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Trọng quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng S2 nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/03/2025.

Tạm tính đến ngày 08/9/2025, bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 đã trả Ngân hàng S2 tổng số tiền là: là 1.505.000.000 đồng, trong đó: 121.210.208 đồng tiền lãi.

Tạm tính đến ngày 08/9/2025, bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 đang còn nợ Ngân hàng S2 số tiền tổng cộng là 7.011.660.194 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, không trăm mười một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng), cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 6.695.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 135.104.816 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 170.743.750 đồng.
- Dư nợ Thẻ tín dụng: 10.811.628 đồng

Lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 tất toán nợ.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng S2 đã nhiều lần đôn đốc, gửi văn bản yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 thực hiện thanh toán nợ hoặc bên bảo đảm bàn giao tài sản thế chấp, đồng thời tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S2, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 không thực hiện, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S2.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2026 là 7.557.004.987 đồng, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 6.695.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 848.073.736 đồng.

- Dư nợ Thẻ tín dụng: 10.3.931.251 đồng

+ Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kèm theo từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại

toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số: 37, địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận số phát hành DM359660, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ khoản vay cho Ngân hàng S2 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà N1 và ông H1 trả xong toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng S2 đồng ý trả lại tài sản thế chấp cho bà N1 và ông H1.

Theo lời khai tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh N1, đồng thời bà N1 là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung H1 trình bày:

Bà N3 và ông H1 thừa nhận nội dung phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà N3 và ông H1 có vay tiền và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP S như trên. Do có khó khăn trong kinh doanh nên bà N3 và ông H1 chưa trả được khoản vay và có vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi.

Nay bà N3 và ông H1 đồng ý trả các khoản: 7.273.775.655 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc: 6.695.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn:135.104.816 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 443.670.839 đồng.

Và đồng ý tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2025 đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và trả nợ vốn và lãi của thẻ tín dụng theo Hợp đồng 549349485.2024.1029278360.TTD ngày 27/07/2024.

Bà N3 và ông H1 đồng ý giao tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số: 37, địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận số phát hành DM359660, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1 cho Ngân hàng TMCP S để thực hiện việc yêu cầu cơ quan thi hành bán đấu giá để thu hồi nợ nếu bà N1 và ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đối với các bị đơn Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc B, anh Trần Quang N2, chị

Nguyễn Ngọc M, bà Phạm Thị V đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- 01 Giấy ủy quyền số 268/2025/UQ-SHB ngày 27/8/2025

- 01 Giấy ủy quyền 108/2026/UQ-SHB;

- Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024; Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số: P101-0381/2024/HDHM- CM/SHB.131500 ngày 23/12/2024 (Bản sao);

- Khế ước nhận nợ số 01-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024 (Bản sao);

- Khế ước nhận nợ số 02-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 19/12/2024 (Bản sao);

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 381/2024/HDTC-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024, Giấy chứng nhận QSDĐ, phiếu đăng ký giao dịch bảo đảm (Bản sao);

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế SHB số 549349485.2024.0129278360.TTD ngày 27/7/2024 (Bản sao);

- Giấy căn cước công dân bà N1, ông H1, Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);

- Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần (1);

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Bản sao);

- Thông báo số 3663/2025/TB-SHB ngày 02/7/2025 (Bản sao);

- Quyết định số 220/2025/QĐ-HĐQT ngày 26/6/2025 (Bản sao);

- Văn bản ủy quyền số 4061/2023/VBUQ -SHB ngày 19/7/2023 (Bản sao);

- Thông tin dự nợ KH Nguyễn Thị Ánh N1, CIF: 0129278360, tạm tính đến ngày 18/6/2026;

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2025;

- Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2026;

- Công văn số 138/CAP/XM ngày 07/4/2026 của Công an phường M

Tòa án đã thông báo cho các bị đơn Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc B, anh Trần Quang N2, chị Nguyễn Ngọc M, bà Phạm Thị V biết đồng thời đã triệu tập

các đương sự để được tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn không đến và cũng không có ý kiến gì đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 466; Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng S2 tính đến ngày 18/6/2026 là 7.557.004.987 đồng bao gồm: Vốn: 6.705.000.000 đồng, lãi trong hạn: 135.104.816 đồng, lãi quá hạn 712.968.920 đồng, dư nợ thẻ tín dụng: 13.931.251 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thi hành xong.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng S2 được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số: 37, địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận số phát hành DM359660, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ khoản vay cho Ngân hàng S2 cho đến khi thanh toán xong

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 có trách nhiệm trả liên đới trả số tiền còn nợ và trường hợp bà N1 và ông H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản" theo quy định tại Điều 317, Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Bị đơn Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc B, anh Trần Quang N2, chị Nguyễn Ngọc M, bà Phạm Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hợp đồng tín dụng: Ngân hàng S2 về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/6/2026 là 7.557.004.987 đồng Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 11/12/2024, bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có ký hợp đồng hạn mức tín dụng với Ngân hàng S2, hạn mức vay vốn là 9.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn để bổ sung vốn nuôi cá lóc thịt, thời hạn duy trì hạn mức vay vốn 12 tháng từ ngày 11/12/2024 đến ngày 11/12/2025, lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

Các bên đã ký 02 khế ước nhận nợ, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 01-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024 với số tiền nhận nợ 6.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, sáu trăm triệu đồng) và Khế ước nhận nợ số 02-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 19/12/2024 với số tiền nhận nợ 1.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Ánh N1 còn ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng S2 số: 549349485.2024.1029278360.TTD ngày 27/07/2024 với số tiền là 10.000.000 đồng.

Tại thời điểm ký kết giao dịch, các bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Căn cứ Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định giao dịch dân sự đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và hợp pháp, có giá trị pháp lý.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định khi đến hạn thanh toán thì bà N1, ông H1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như hai bên đã thỏa thuận ký kết. Cụ thể, bà N1, ông H1 đã vi phạm phương thức thanh toán, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn thanh toán mặc dù Ngân hàng S2 đã nhiều lần yêu cầu nhắc nhở về việc trả nợ nhưng bà N1, ông H1 vẫn không thực hiện. Hiện nay thì bà N1, ông H1 còn nợ Ngân hàng S2 vốn gốc là 6.705.000.000 đồng và tiền lãi là 852.004.987 đồng.

Trong quá trình giải quyết bà N1 thừa nhận còn nợ Ngân hàng S2 số tiền gốc và lãi như Ngân hàng S2 trình bày và đồng ý liên đới cùng ông H1 trả số tiền nợ Ngân hàng S2.

Do đó, việc Ngân hàng S2 khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà N1 và ông H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng S2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/6/2026 là 7.557.004.987 đồng, trong đó tiền vốn là 6.705.000.000 đồng và tiền lãi là 852.004.987 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

[4.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, Ngân hàng S2 là bên nhận thế chấp với bà N1, ông H1 là bên thế chấp đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 381/2024/HĐTC-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm cùng ngày. Tài sản đảm bảo gồm: Bất động sản tọa lạc 132, tờ bản đồ số: 37, địa chỉ tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận số phát hành DM359660, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1. Việc nhận tài sản đảm bảo đã được Ngân hàng S2 và bên đảm bảo lập thành hợp đồng, có công chứng và đã được đăng ký biện pháp đảm bảo vào ngày 11/12/2024.

Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 319 về Hiệu lực của thế chấp tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4 về Các trường hợp đăng ký và Điều 6 về Hiệu lực của đăng ký biện pháp bảo đảm của Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 thì hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên có giá trị buộc các bên thực hiện và phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ ngày 12/12/2024.

Do bà N1, ông H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng S2 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định tại Điều 299 về Các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm và Điều 320 về Nghĩa vụ của bên thế chấp của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà N1, ông H1 về trách nhiệm thực hiện hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng S2.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định như sau:

- Bà N3 và ông H1 phải liên đới chịu án phí sơ thẩm số tiền: 115.557.000 đồng.

- Ngân hàng S2 không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp là 57.505.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007565 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[6] Về chi phí tố tụng: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên bà N3 và ông H1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Ngân hàng S2 đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà N3 và ông H1 phải nộp lại để trả cho Ngân hàng S2.

[7] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận (như nhận định trên).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, 299, 319, 320, 321, 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Điều 4, 6 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao’

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S

- Buộc bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/6/2026 là 7.557.004.987 đồng (Bảy tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, không trăm linh bốn nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng).

- Kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án án theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024, Khế ước nhận nợ số 01-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024, Khế ước nhận nợ số 02-0381/2024/HDHM-CN/SHB.131500 ngày 19/12/2024 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế SHB số 549349485.2024.0129278360.TTD ngày 27/7/2024 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật

- Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, nếu bà N1, ông H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đang thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DM359660, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CN04476 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/9/2023 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1 để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP S có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 381/2024/HĐTC-CN/SHB.131500 ngày 11/12/2024 cho bà Nguyễn Thị Ánh N1.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì bà Nguyễn Thị Ánh N1, ông Lê Trung H1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ánh N1 và ông Lê Trung H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.557.000 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.505.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007565 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyệt, ông H1 phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng trước nên bà N1, ông H1 nộp lại số tiền 2.000.000 đồng để trả lại Ngân hàng TMCP S.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9;
- TAND Tỉnh;
- THADS tỉnh Đồng Tháp
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Võ Thị Kim Hoa